TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2026
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: số nhà A, ấp Đ, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lệnh H, sinh năm 1973; cư trú tại: số nhà A, ấp Đ, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2025, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: bà L và ông H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên); hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà L và ông H đi kinh tế mới và sinh sống tại ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình

Dương (nay là ấp Đ, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, ông H không còn quan tâm đến bà L. Dù bà L đã tha thứ nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà L và ông H dù ở chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2019 nay; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Nay bà L nhận thấy hôn nhân của bà L và ông H không hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: bà L và ông H có hai con chung tên Nguyễn Duy P, sinh năm 2002 và Nguyễn Quốc C, sinh năm 2004. Hai con chung đã thành niên nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Lệnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp. Bà L khai: vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông H không còn quan tâm đến bà L; vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, tôn trọng nhau từ năm 2019 đến nay. Vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, bà L và ông H là vợ chồng dù ở chung nhà nhưng đã sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau là không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của bà L. Xét hôn

nhân của bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà L và ông H ly hôn.

Về nuôi con chung: bà L và ông H có hai con chung tên Nguyễn Duy P, sinh năm 2002 và Nguyễn Quốc C, sinh năm 2004. Hai con chung đã thành niên, bà L và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản và nợ chung: bà L và ông H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Lệnh H về việc tranh chấp về ly hôn.

Về hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Nguyễn Lệnh H.

Về nuôi con chung: hai con chung tên Nguyễn Duy P, sinh năm 2002 và Nguyễn Quốc C, sinh năm 2004 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Lệnh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0034666 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị L đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tây Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên;
(Giấy CNKH số 61, quyển số 01-99, đăng ký ngày 14/02/2001 của UBND xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cũ);
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến